# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Quý 3*

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Quý 3 | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **15.1** | **190,352,972,626** | **315,460,770,149** | **621,098,107,228** | **743,779,427,757** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | | | |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **190,352,972,626** | **315,460,770,149** | **621,098,107,228** | **743,779,427,757** |
| 4. Giá vốn hàng bán | **16** | 163,424,169,036 | 275,562,116,472 | 522,356,118,190 | 632,198,322,471 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **26,928,803,590** | **39,898,653,677** | **98,741,989,038** | **111,581,105,286** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | **15.2** | 746,811,739 | 2,280,940,984 | 6,913,388,789 | 27,491,319,411 |
| 7. Chi phí tài chính | **17** | 5,329,386,662 | 5,690,456,299 | 20,589,243,213 | 27,526,401,781 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | | 4,648,355,044 | 5,644,122,992 | 17,741,644,764 | 21,692,272,549 |
| 8. Chi phí bán hàng | | 2,438,010,471 | 5,935,772,889 | 12,688,222,165 | 15,712,793,496 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 18,777,306,653 | 21,817,063,940 | 50,942,510,828 | 61,650,850,360 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **1,130,911,543** | **8,736,301,533** | **21,435,401,622** | **34,182,379,060** |
| 11. Thu nhập khác | | 197,778,715 | 376,545,830 | 1,352,882,041 | 1,154,377,558 |
| 12. Chi phí khác | | 116,746,931 | 13,277,306 | 1,319,643,011 | 534,027,422 |
| **13. Lợi nhuận khác** | | **81,031,784** | **363,268,524** | **33,239,030** | **620,350,136** |
| **14. Phần lỗ trong công ty liên kết** | | | - | **(3,409,163,450)** | |
| **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **1,211,943,327** | **9,099,570,057** | **18,059,477,202** | **34,802,729,196** |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | **18** | 1,209,005,395 | 3,816,029,000 | 10,206,015,672 | 11,792,950,288 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | | 309,866,135 | |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Quý 3*

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Quý 3 | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | | **2,937,932** | **5,283,541,057** | **7,543,595,395** | **23,009,778,908** |
| ***18.1 Cổ đông công ty mẹ*** | | *842,352,053* | *6,257,044,276* | *13,525,828,727* | *25,277,716,847* |
| ***18.2 Cổ đông thiểu số*** | | *(839,414,121)* | *(973,503,219)* | *(5,982,233,333)* | *(2,267,937,939)* |
| **19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)** | | | | | |

*Lập ngày 15 tháng 11 năm 2013*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám Đốc |
|---|---|---|
| Dương Ngọc Hải | Nguyễn Thị Minh Hiếu | Lê Hùng |

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)